

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993

Trú tại: đường N, tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 02/01/2018, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc chị kết hôn với anh D là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 05/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H và anh D đã

sống ly thân từ tháng 08/2018 đến nay. Nay nhận thấy chị với anh D không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H và anh D chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh D không có tài sản chung.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị H và anh D không nợ ai khoản nợ nào.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh D kết hôn với chị Đoàn Thị H ngày 02/01/2018, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 05/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 08/2018 đến nay.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, anh D không đồng ý ly hôn với chị H, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình.

Về con chung: Anh D và chị H chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng anh chị không nợ ai khoản nợ nào.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh D.

+ Về con chung: Chị H và anh D không có con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đoàn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn D. Đây là quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn D hiện đang trú tại: đường N, tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 02/01/2018, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống chị H và anh D đều xác định có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Anh D, chị H chung sống đến tháng 5/2018 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ khoảng giữa năm 2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn D không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị H

1. *Về hôn nhân:* Chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. *Về án phí:* Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số 0005778 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT. B, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên